VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 136/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi là Phương án đơn giản hóa) kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ nội dung Phương án đơn giản hóa được Chính phủ thông qua tại Điều 1 Nghị quyết này, trong phạm vi thẩm quyền chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính, giấy tờ công dân quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành phù hợp với thời điểm hoàn thành, vận hành của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 3. Giao Văn phòng Chính phủ theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan để kịp thời

báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án đơn giản hóa đã được Chính phủ thông qua tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ)

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Các thủ tục hành chính và nhóm thủ tục hành chính sau đây:

a) Nhóm 05 thủ tục:

- Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân;
- Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
- Đăng ký thành lập công ty cổ phần;
- Đăng ký thành lập công ty hợp danh.

b) Nhóm 03 thủ tục:

- Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp;
- Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp;
- Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp.

c) Nhóm 10 thủ tục:

- Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh;
- Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần;
- Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức;

- Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước;

- Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế;

- Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp;

- Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác;

- Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích.

d) Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết;

đ) Nhóm 03 thủ tục:

- Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp;

- Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp;

- Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp.

e) Nhóm 02 thủ tục:

- Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh);

- Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

g) Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh).

h) Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh).

i) Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần.

k) Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

l) Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

m) Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn

- Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ yêu cầu về thành phần hồ sơ là "Bản sao thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác" tại các Điều 20, 21, 22, 23 và 46 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và thành phần hồ sơ là "Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này" tại các Điều 11, 21, 22, 23, 25, 33, 42, 43, 45, 46, 52 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Thay thế quy định "địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác" bằng "số định danh cá nhân" tại khoản 8 và khoản 9 Điều 24; khoản 3 Điều 29 Luật Doanh nghiệp.

+ Thay thế các thông tin về công dân nêu tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 (Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13) và thông tin "Căn cước công dân" trong các mẫu văn bản đề nghị, mẫu đơn, tờ khai,… ban hành kèm theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp bằng các thông tin: "họ, chữ đệm và tên khai sinh; số định danh cá nhân".

2. Các thủ tục hành chính sau:

a) Đăng ký thành lập hộ kinh doanh

b) Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

- Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ quy định về nộp "bản sao hợp lệ thẻ căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực của các cá nhân tham gia hộ kinh doanh hoặc người đại diện hộ gia đình" tại khoản 1 Điều 71 và khoản 2 Điều 75 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Thay thế quy định "địa chỉ nơi cư trú, số và ngày cấp thẻ căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực" bằng "số định danh cá nhân" tại điểm đ khoản 1 Điều 71 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.

+ Thay thế các thông tin về công dân nêu tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13, thông tin "Căn cước công dân" và "Giấy tờ chứng thực cá nhân khác" trong các mẫu văn bản đề nghị, mẫu đơn, tờ khai,… ban hành kèm theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp bằng các thông tin: "họ, chữ đệm và tên khai sinh; số định danh cá nhân".

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

1. Các nhóm thủ tục hành chính:

a) 02 thủ tục đăng ký liên hiệp hợp tác xã và đăng ký hợp tác xã;

b) 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia và đăng ký khi hợp tác xã chia;

c) 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách và đăng ký khi hợp tác xã tách;

d) 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất và đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất;

đ) 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập và đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập;

e) 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất);

g) 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất);

h) 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng);

i) 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng);

k) 02 thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện) và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện);

l) 02 thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã và thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã;

m) 02 thủ tục thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã và thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã;

n) 02 thủ tục tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã và tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;

o) 02 thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã và chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

p) 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã);

q) 02 thủ tục thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã và thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã;

- Bãi bỏ quy định "Yêu cầu người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực" tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã (Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT) và quy định "Bản sao hợp lệ" nêu tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Thay thế quy định "nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, số hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác" bằng "số định

danh cá nhân" tại điểm e khoản 2 Điều 13, điểm đ khoản 2 Điều 15, điểm b khoản 3 Điều 18 và điểm c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã (Nghị định số 193/2013/NĐ-CP).

+ Thay thế các thông tin về công dân nêu tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 và thông tin "Giấy tờ chứng thực cá nhân khác" trong các mẫu văn bản đề nghị, mẫu đơn, tờ khai,… ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT bằng các thông tin: "họ, chữ đệm và tên khai sinh; số định danh cá nhân".

2. Các nhóm thủ tục:

a) 02 thủ tục: Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã và đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

b) 02 thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

- Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ yêu cầu thành phần hồ sơ là "bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh" tại điểm c khoản 3 Điều 16 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP và điểm đ khoản 1 Điều 8 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

- Bãi bỏ yêu cầu "Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định đối với chi nhánh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh các ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề" tại điểm e khoản 1 Điều 8 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Thay thế "nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, số hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác" bằng "số định danh cá nhân" tại điểm c và điểm e khoản 2 Điều 16 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP.

+ Thay thế các thông tin về công dân nêu tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 và thông tin "Giấy tờ chứng thực cá nhân khác" trong các mẫu văn bản đề nghị, mẫu đơn, tờ khai,… ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT bằng các thông tin: "họ, chữ đệm và tên khai sinh; số định danh cá nhân".

3. Nhóm 02 thủ tục: Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã và đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã.

- Bãi bỏ quy định "Yêu cầu người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực" tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Thay thế "nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, số hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác" bằng "số định danh cá nhân" tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP.

+ Thay thế các thông tin về công dân nêu tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 và thông tin "Giấy tờ chứng thực cá nhân khác" trong các mẫu văn bản đề nghị, mẫu đơn, tờ khai,… ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT bằng các thông tin: "họ, chữ đệm và tên khai sinh; số định danh cá nhân".

III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI

1. Nhóm 02 thủ tục hành chính:

a) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài;

b) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài

- Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ yêu cầu về thành phần hồ sơ là "Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân" tại điểm b khoản 1 Điều 55 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 (Luật Đầu tư số 67/2014/QH13).

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thay thế các thông tin về công dân nêu tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 trong Phụ lục I Hướng dẫn cách ghi các mẫu văn bản quy định cho nhà đầu tư và Phụ lục II Hướng dẫn cách ghi các mẫu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài quy định cho cơ quan cấp

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2015 ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài bằng thông tin về: "họ, chữ đệm, tên khai sinh và số định danh cá nhân".

2. Nhóm 02 thủ tục:

a) Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài;

b) Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện phải có quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài

- Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ yêu cầu về thành phần hồ sơ là "Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân" tại điểm b khoản 2 Điều 61 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thay thế các thông tin về công dân nêu tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 trong Phụ lục I Hướng dẫn cách ghi các Mẫu văn bản quy định cho nhà đầu tư và Phụ lục II Hướng dẫn cách ghi các Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài quy định cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2015 ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài bằng thông tin về: "họ, chữ đệm, tên khai sinh và số định danh cá nhân".

3. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện phải có quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài

- Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ yêu cầu về thành phần hồ sơ là "Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân" tại điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thay thế các thông tin về công dân nêu tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 trong Phụ lục I Hướng dẫn cách ghi các Mẫu văn bản quy định cho nhà đầu tư và Phụ lục II Hướng dẫn cách ghi các Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài quy định cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2015 ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài bằng thông tin về: "họ, chữ đệm, tên khai sinh và số định danh cá nhân".

IV. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

1. Các thủ tục hành chính và nhóm thủ tục hành chính sau:

a) Nhóm 02 thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Cấp Ban quản lý);

b) Nhóm 02 thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) (Cấp Ban Quản lý);

c) Nhóm 02 thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) (Cấp Ban Quản lý);

d) Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý;

đ) Nhóm 02 thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (Cấp Ban Quản lý);

e) Nhóm 02 thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (Cấp Ban Quản lý);

g) Nhóm 02 thủ tục: Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư) (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cấp Ban Quản lý);

h) Nhóm 04 thủ tục: Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư và cấp Ban Quản lý);

i) Nhóm 02 thủ tục: Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài (Cấp Ban quản lý);

k) Nhóm 02 thủ tục: Chuyển nhượng dự án đầu tư (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và chuyển nhượng dự án đầu tư (Cấp Ban quản lý)

- Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ yêu cầu về thành phần hồ sơ là "Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân" tại điểm b khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13; điểm a khoản 2 Điều 37 và điểm b khoản 2 Điều 39 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thay thế các thông tin về công dân nêu tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13, thông tin "Căn cước công dân" và "Giấy tờ chứng thực cá nhân khác" trong các mẫu văn bản đề nghị, mẫu đơn, tờ khai,… ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam (Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT) bằng các thông tin: "họ, chữ đệm và tên khai sinh; số định danh cá nhân".

2. Thủ tục: Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư)

- Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ yêu cầu về thành phần hồ sơ là "Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân" tại điểm d khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thay thế các thông tin về công dân nêu tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13, thông tin "Căn cước công dân" và "Giấy tờ chứng thực cá nhân khác" trong các mẫu văn bản đề nghị, mẫu đơn, tờ khai,… ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT bằng các thông tin: "họ, chữ đệm và tên khai sinh; số định danh cá nhân".

3. Nhóm 02 thủ tục: Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư và cấp Ban Quản lý)

Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thay thế các thông tin về công dân nêu tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 thông tin "Căn cước công dân"

và "Giấy tờ chứng thực cá nhân khác" trong các mẫu văn bản đề nghị, mẫu đơn, tờ khai,… ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT bằng các thông tin: "họ, chữ đệm và tên khai sinh; số định danh cá nhân".

V. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU

Thủ tục đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ yêu cầu về thành phần hồ sơ là "Bản chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của bên mời thầu đăng ký" tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08 tháng 9 năm 2015 quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. ĐỐI VỚI VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT, NGHỊ ĐỊNH

1. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật sau đây trình Chính phủ ban hành hoặc trình Quốc hội ban hành:

a) Sửa đổi các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 29 và 46 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 theo đúng nội dung đơn giản hóa nêu tại khoản 1 Mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

b) Sửa đổi các Điều 26 và Điều 33 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 theo đúng nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các Mục IV Phần A; các Điều 55, 59 và 61 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 theo đúng nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các Mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

c) Sửa đổi các Điều 11, 21, 22, 23, 25, 33, 42, 43, 45, 46, 52, 71 và 75 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp theo đúng nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

d) Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 13, điểm d khoản 2 Điều 15, điểm c khoản 3 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 17, điểm b khoản 3 Điều 18 và điểm c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã theo đúng nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Mục II Phần A Phương án đơn giản hóa này;

đ) Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 37 và điểm b khoản 2 Điều 39 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư theo đúng nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 1 Mục IV phần A Phương án đơn giản hóa này.

2. Thời hạn thực thi: Thực hiện theo Điều 2 của Nghị quyết.

II. ĐỐI VỚI VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ HOẶC BÃI BỎ CÁC THÔNG TƯ, THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

1. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung các Thông tư, Thông tư liên tịch sau:

a) Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp theo đúng nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa thủ tục này;

b) Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã theo đúng nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Mục II Phần A của Phương án đơn giản hóa thủ tục này;

c) Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2015 ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài theo đúng nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Mục III Phần A Phương án đơn giản hóa này;

d) Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam theo đúng nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Mục IV Phần A Phương án đơn giản hóa này;

đ) Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08 tháng 9 năm 2015 quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng theo đúng nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Mục V Phần A Phương án đơn giản hóa này.

2. Thời hạn thực thi: Thực hiện theo Điều 2 của Nghị quyết./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng